



Số : 94/BCKT/TC

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ Phần May Hữu Nghị**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ Phần May Hữu Nghị, được lập ngày 10/03/2014, từ trang 06 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần May Hữu Nghị tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2014

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**



Kiểm toán viên

**Nguyễn Thị Lan**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0167-2013-152-1

**Nguyễn Hồng Nga**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1266-2013-152-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>	100		<b>220.978.297.817</b>	<b>204.369.578.576</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	110	V.01	<b>85.092.079.577</b>	<b>117.866.105.291</b>
1. Tiền	111		35.814.931.014	50.077.869.996
2. Các khoản tương đương tiền	112		49.277.148.563	67.788.235.295
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	120		-	-
1. Đầu tư tài chính ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	130		<b>84.348.212.215</b>	<b>33.977.825.049</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.02	82.281.280.047	32.118.988.811
2. Trả trước cho người bán	132	V.03	879.267.394	817.978.097
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Các khoản phải thu khác	135	V.04	1.187.664.774	1.040.858.141
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	140	V.05	<b>42.191.385.451</b>	<b>42.146.439.660</b>
1. Hàng tồn kho	141		42.191.385.451	42.146.439.660
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	150		<b>9.346.620.574</b>	<b>10.379.208.576</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		28.225.921	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		8.579.373.796	7.131.219.115
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.06	739.020.857	3.247.989.461
<b>B. Tài sản dài hạn</b>	200		<b>59.334.405.151</b>	<b>27.623.602.690</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	210		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	220		<b>58.038.721.393</b>	<b>27.623.602.690</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	50.073.386.176	21.746.426.208
- Nguyên giá	222		138.804.641.407	99.581.831.016
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(88.731.255.231)	(77.835.404.808)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.08	7.965.335.216	5.877.176.482
- Nguyên giá	228		8.314.688.950	6.274.157.250
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(349.353.734)	(396.980.768)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	260		<b>1.295.683.758</b>	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.093.362.500	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.09	202.321.258	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>280.312.702.968</b>	<b>231.993.181.266</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
<b>A. Nợ phải trả</b>	300		<b>178.487.491.728</b>	<b>150.059.844.026</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	310		<b>178.487.491.728</b>	<b>150.059.844.026</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	6.493.460.434	-
2. Phải trả cho người bán	312	V.11	22.833.116.206	23.661.621.065
3. Người mua trả tiền trước	313	V.12	37.837.385.773	30.115.508.664
4. Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	314	V.13	15.154.790.786	14.174.074.887
5. Phải trả công nhân viên	315		78.209.770.690	69.731.662.336
6. Chi phí phải trả	316		37.654.606	43.132.827
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.14	11.563.021.800	6.742.171.781
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		6.358.291.433	5.591.672.466
<b>II. Nợ dài hạn</b>	330		-	-
<b>B. Vốn chủ sở hữu</b>	400		<b>101.825.211.240</b>	<b>81.933.337.240</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	410	V.15	<b>101.825.211.240</b>	<b>81.933.337.240</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		62.678.000.000	41.789.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(11.000.000)	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		263.636.176	4.852.236.176
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		8.460.070.230	8.460.070.230
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		30.434.504.834	26.832.030.834
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí</b>	430		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>280.312.702.968</b>	<b>231.993.181.266</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi			
4. Nợ khó đòi đã xử lý		1.715.181.330	1.715.181.330
5. Ngoại tệ các loại			
- USD		1.600.634,63	2.130.050,47
- EUR			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Người lập biểu

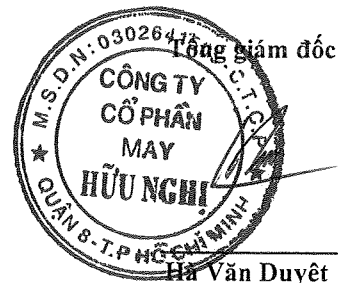


Nguyễn Thị Hằng Nga

Kế toán trưởng



Vũ Thị Ngát



Hà Văn Duyệt

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2014

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	673.769.781.750	622.171.112.554
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	2.127.678	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.03	673.767.654.072	622.171.112.554
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.04	566.893.395.459	523.358.124.801
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		106.874.258.613	98.812.987.753
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	5.858.521.650	5.024.995.113
7. Chi phí tài chính	22	VI.06	2.030.867.217	1.496.835.058
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		956.644.403	810.807.563
8. Chi phí bán hàng	24		7.547.059.312	7.328.946.758
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		38.901.701.935	38.711.636.894
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		64.253.151.799	56.300.564.156
11. Thu nhập khác	31	VI.07	743.315.011	2.206.420.386
12. Chi phí khác	32	VI.08	640.693.169	1.878.273
13. Lợi nhuận khác	40		102.621.842	2.204.542.113
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		64.355.773.641	58.505.106.269
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.09	17.135.570.899	11.671.787.980
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.10	(202.321.258)	133.054.113
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		47.422.524.000	46.700.264.176
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	75.674	74.521

Người lập biểu

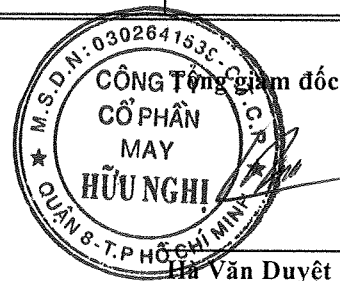


Nguyễn Thị Hằng Nga

Kế toán trưởng



Vũ Thị Ngát



Hà Văn Duyệt

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2014